TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2023
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Thôi

2. Ông Phạm Định Quốc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Quỳnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 833/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Đặng Thị Bích L, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Chỗ ở: khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* ông Đào Minh T, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: xóm 5, thôn Mỹ Thạnh Nam, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

Chỗ ở: khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2022, bản khai, và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Bích L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đào Minh T tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn mà thường xuyên nhậu nhẹt. Bà và ông T đã sống ly thân nhiều tháng nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đào Minh T.

- Về con chung: Bà và ông Đào Minh T có 01 con chung tên Đào Minh T1, sinh ngày 19/10/2015. Nguyện vọng của bà là được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn ông Đào Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị Bích L tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng sống chung với nhau cũng có mâu thuẫn, nhưng không đến nỗi nghiêm trọng để ly hôn. Ông thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay. Mặc dù ông đã nhiều lần nói chuyện với bà L với mục đích hàn gắn nhưng bà L không đồng ý. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà Đặng Thị Bích L có 01 con chung tên Đào Minh T1, sinh ngày 19/10/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn thì ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, còn trường hợp Tòa án giao con chung cho bà L nuôi thì ông đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghe ông Đào Minh T trình bày, bà Đặng Thị Bích L thống nhất về phần cấp dưỡng nuôi con như sau: Nếu Tòa án giao con chung cho bà nuôi dưỡng thì ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích L về việc yêu cầu ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bích L yêu cầu được ly hôn ông Đào Minh T và giải quyết về con chung, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "*Ly hôn, nuôi con chung";* bị đơn có địa chỉ tại khu phố 2, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân, xét thấy:

Bà Đặng Thị Bích L và ông Đào Minh T chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo bà L trình bày, trong thời gian chung sống với nhau, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình và thường xuyên nhậu nhẹt, vợ chồng ly thân đã nhiều tháng nay. Nay bà L nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nữa, nên bà yêu cầu được ly hôn ông T. Ông T thừa nhận việc vợ chồng không còn sống chung nhiều tháng nay, mặc dù đã cố gắng để vợ chồng hàn gắn với nhau nhưng bà L không đồng ý. Nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân đến nay, ông bà không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà L yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ. Do đó, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà L.

[2.2]. Về con chung: Bà Đặng Thị Bích L và ông Đào Minh T thống nhất có 01 con chung tên Đào Minh T1, sinh ngày 19/10/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn ông T, thì bà L và ông T đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Ông T có ý kiến nếu Tòa án giao con chung cho ông nuôi thì ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, còn nếu giao con chung cho bà L nuôi thì ông sẽ cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, bà L thống nhất việc cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông T trong trường hợp giao con chung cho bà nuôi.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, để con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Con chung đang còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, hiện nay cháu T1 đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/01/2023, cháu Đào Minh T1 cũng thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo môi trường sống ổn định của cháu T1, cần tiếp tục giao cháu T1 cho bà L nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của bà Đặng Thị Bích L, bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Đào Minh T và bà Đặng Thị Bích L đều thống nhất nếu giao con chung cho bà L nuôi dưỡng thì ông T cấp dưỡng nuôi con chung Đào Minh T1 mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Việc ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị Bích L và ông Đào Minh T thống nhất chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Đặng Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Đào Minh T có nghĩa vụ chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà Đặng Thị Bích L tự nguyện thỏa thuận chịu chịu án phí cấp dưỡng nuôi con thay cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích L về việc "Ly hôn, nuôi con chung"

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Bích L được ly hôn ông Đào Minh T.

- Về con chung: Bà Đặng Thị Bích L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Minh T1, sinh ngày 19/10/2015. Ông Đào Minh T có nghĩa vụ giao con chung Đào Minh T1 cho bà Đặng Thị Bích L nuôi dưỡng.

Bà L, ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Bà L không được ngăn cản ông T trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đào Minh T cấp dưỡng nuôi con chung Đào Minh T1 mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tự nguyện thỏa thuận chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ngày 28 tháng 12 năm 2022, bà L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014101 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, nay chuyển 300.000 đồng sang án phí và sung công quỹ nhà nước, còn số tiền 300.000 đồng bà L phải tiếp tục nộp.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/3/2023).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP. Phan Thiết;*
- *Chi cục THADS TP. Phan Thiết;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Thảo Nguyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊNTÒA**

Phạm Định Quốc **Lưu Thị Thôi** **Nguyễn Lê T Nguyên**